

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST.

Ngày 10/10/2019.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Minh Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Đức.

2. Ông Trần Đình Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Như N; địa chỉ: Số 15/5 Hai Bà T, khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Nh; địa chỉ: Kiệt 64/3 Nguyễn H, khu phố c, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Trương Thị Như N trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/7/2016 đến 22/8/2016, tôi có cho Bà Lê Thị Nh vay 2 lần.

Lần thứ nhất vay 12.000.000 đồng.

Lần thứ hai vay 12.000.000 đồng.

Tổng cộng 2 lần vay là 24.000.000 đồng.

Khi cho vay, bà N có thỏa thuận hẹn trả số tiền trên cho tôi trong thời hạn 3 tháng, nhưng rồi bà N lại không thực hiện thỏa thuận theo trên.

Vì vậy, Bà Trương Thị Như N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Lê Thị Nh phải trả cho bà N khoản nợ tiền vay với tổng số tiền 24.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bà N đã rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay ngày 29/7/2016, số tiền 12.000.000 đồng. Bà N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho bà số tiền 12.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 22/8/2016.

2. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt đầy đủ theo các phiên triệu tập của Tòa án, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 478 BLDS năm 2005. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Xử: Buộc Bà Lê Thị N phải trả cho Bà Trương Thị Như N số tiền **12.000.000 đồng** (Mười hai triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần cùng với khu phố đến nhà của bị đơn Bà Lê Thị N để cấp, tổng đạt văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng không cấp tổng đạt được nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng và niêm yết văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiếp tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ 2 lần văn bản Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn bà N đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành phiên hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn Bà Lê Thị N thì Công an Phường 1, thành phố Đông Hà cho biết: Bà N có đăng ký hộ khẩu và cư trú tại Kiệt 64/3 Nguyễn Huệ, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, nhưng hiện không có mặt tại địa phương. Do đó cho thấy, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Việc bị đơn hiện không có mặt tại địa phương và không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ của mình là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trương Thị Như N về việc yêu cầu Bà Lê Thị N phải trả nợ số tiền 12.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ Giấy vay tiền không ghi rõ ngày tháng năm cho thấy: Ngày 22/8/2016 (Nhằm ngày 20/7/2016), Bà Lê Thị N có vay của Bà Trương Thị Như N số tiền

12.000.000 đồng, thời gian trả nợ là 03 tháng, kể từ ngày cho vay. Nhưng sau khi vay thì bà Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho bà N theo giấy vay tiền mà bà Nh đã thỏa thuận. Do đó, bà Nh khởi kiện yêu cầu bà N phải trả khoản nợ 12.000.000 đồng theo giấy vay tiền trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà N về việc buộc bà Nh trả khoản nợ số tiền 12.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 29/7/2016; Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà N đã rút yêu cầu này. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ, không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền 12.000.000 đồng được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng {12.000.000 đồng x 5% = 600.000 đồng} theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Bà Lê Thị Nh phải trả nợ cho nguyên đơn Bà Trương Thị Như N số tiền **12.000.000** đồng (*Mười hai triệu đồng*).

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Bà Lê Thị Nh trả khoản nợ với số tiền **12.000.000** đồng (*Mười hai triệu đồng*) theo giấy vay tiền ngày 29/7/2016.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc:

- Bà Lê Thị Nh phải chịu 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trương Thị Như N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Bà Trương Thị Như N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/ 0009643 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: HSYA, DA.

Tạ Minh Khôi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Đức

Trần Đình Khương

Tạ Minh Khôi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 15 phút, ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở TAND thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Minh Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Đức và ông Trần Đình Khương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 40/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Như N; địa chỉ: Số 15/5 Hai Bà T, khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Nh; địa chỉ: Kiệt 64/3 Nguyễn H, khu phố c, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kết quả biểu quyết: 3/3.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.* Kết quả biểu quyết: 3/3.

[3]. *Về quan điểm giải quyết:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Bà Lê Thị Nh phải trả nợ cho nguyên đơn Bà Trương Thị Như N số tiền **12.000.000** đồng (*Mười hai triệu đồng*).

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trương Thị Như N về việc buộc bị đơn Bà Lê Thị Nh trả khoản nợ với số tiền **12.000.000** đồng (*Mười hai triệu đồng*) theo giấy vay tiền ngày 29/7/2016.

- Bà Lê Thị Nh phải chịu 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Bà Trương Thị Như N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 600.000 đồng.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

[4]. *Điều luật áp dụng:* Áp dụng Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

[5]. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 20 phút, ngày 10/10/2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

-

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ông Nguyễn Minh Đức

Trần Đình Khương

Tạ Minh Khôi